TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2026/HS-ST
Ngày 19-3-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lý Thường Đông.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Nga.

Bà Trương Thị Kim Chọn.

***Thư ký phiên tòa*:** ông Phan Trọng Tường – Thư ký Tòa án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** ông Nguyễn Minh Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2026/HSST ngày 05 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 684/2026/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo:

Phạm Minh L, sinh năm 1985 tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: nam; nơi đăng ký thường trú: A B, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 179 Khu phố D, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh); chỗ ở: không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: phụ hồ; trình độ học vấn: 4/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn T và bà Bùi Thị B; bị cáo có vợ và 02 người con sinh năm 2007 và 2011;

Tiền án: ngày 07/12/2021, bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" theo Bản án 171/2021/HSST, chấp hành xong án phạt tù ngày 13/04/2024 (chưa được xóa án tích);

Tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 06/11/2018, bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 16 tháng theo Quyết định số 522/2018/QĐ-TA, chấp hành xong Quyết định ngày 27/02/2020.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/10/2024 đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa;

** Những người tham gia tố tụng khác:*

1. Bị hại: bà Lê Thị Y, sinh năm 1964 – *(vắng mặt).*

Nơi cư trú: 40 Đường số E, KDC C, Ấp F, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1986 – *(có mặt).*

Nơi cư trú: B T, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 20/10/2024, Phạm Minh L mượn 01 xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 59L2- 923.65 bà Nguyễn Thị Kim N đi uống cà phê nhưng thật chất là để đi tìm tài sản để cướp giật. L điều khiển xe từ địa chỉ: B T, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh lưu thông trên nhiều tuyến đường, khi đến giao lộ đường số A và đường số A, Khu dân cư C, ấp A, xã P, huyện B thì L nhìn thấy ông Nguyễn Hữu Đ điều khiển xe mô tô hiệu Honda AirBlade, biển số: 54H4-2249 chở theo bà Lê Thị Y đang cầm một cái ví da màu đen, đặt trên đùi. L nảy sinh ý định cướp giật tài của bà Lê Thị Y nên điều khiển xe chạy lên áp sát phía bên trái xe của ông Đ rồi dùng tay phải giật lấy cái ví da của bà Y nhét vào giữa hai chân và nhanh chóng tẩu thoát. Trên đường đi, L vừa chạy xe vừa dùng tay trái lấy số tiền 1.700.000 đồng trong ví ra bỏ vào túi quần trước bên trái, lấy giấy tờ, điện thoại di động hiệu Vivo bỏ vào cốp trước bên trái của xe rồi ném chiếc ví ở ven đường N. Khi đến bãi đất trống, đường T, Phường G, Quận H, L vứt giấy tờ của bà Y rồi điều khiển xe về nhà. Đến khảng 10 giờ cùng ngày, L điều khiển xe mô tô biển số 59L2-923.65 đi đến đoạn đường T, xã H thì gặp một người thanh niên (không rõ lai lịch) bán điện thoại trên với giá 1.800.000 đồng, trả tiền mặt.

Cùng ngày, bà Lê Thị Y đến Công an xã P trình báo sự việc. Qua truy xét xác định Phạm Minh L đã thực hiện hành vi cướp giật tài sản của bà Lê Thị Y nên Công an xã P lập hồ sơ và chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B để điều tra theo thẩm quyền.

Theo Kết luận định giá tài sản số 407/KL-HĐĐGTS ngày 27/02/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận: *01 điện thoại di động hiệu Vivo V2247.Y36 loại 128GB trị giá 3.090.000 đồng*.

Vật chứng vụ án:

- 01 xe mô tô hiệu Vision, biển số: 59L2-923.65, số máy: JF86E55022268 số khung: RLHJF5833KZ452246. Qua xác minh, xe mô tô do bà Nguyễn Thị Kim N đứng tên chủ sở hữu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả xe cho bà N.

- 01 Căn cước công dân, 01 Giấy chúng nhận đăng ký xe mô tô, 01 Giấy phép lái xe hạng A1, 01 thẻ ngân hàng V, 01 thẻ ngân hàng V1 mang tên Lê Thị Y. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả cho bà Lê Thị Y.

- 01 áo sơ mi dài tay màu trắng; 01 quần tây dài màu đen; 01 nón bảo hiểm màu xanh đen là trang phục của Phạm Minh L mặc khi đi cướp giật tài sản.

- 01 USB chứa đoạn video ghi nhận gần hiện trường sau khi đối tượng đã giật được tài sản tẩu thoát (lưu cùng hồ sơ vụ án).

Trách nhiệm dân sự: bà Lê Thị Y yêu cầu bồi thường số tiền 4.700.000 đồng (3.000.000 đồng là giá trị điện thoại ViVo, 1.700.000 đồng tiền mặt trong ví). Đối với cái ví màu đen đã qua sử dụng không có giá trị nên bà Y không có yêu cầu. Bị cáo chưa bồi thường.

Tại Cáo trạng số: 205/CT-VKS-HS ngày 31/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị Phạm Minh L về tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm d, i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Áp dụng điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Xử phạt bị cáo Phạm Minh L từ 05 năm đến 06 năm tù về tội "Cướp giật tài sản".

* Về xử lý vật chứng:

- Đối với: 01 xe mô tô hiệu Vision, biển số: 59L2-923.65, số máy: JF86E55022268 số khung: RLHJF5833KZ452246. Qua xác minh, xe mô tô do bà Nguyễn Thị Kim N đứng tên chủ sở hữu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả xe cho bà N nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Đối với: 01 Căn cước công dân, 01 Giấy chúng nhận đăng ký xe mô tô, 01 Giấy phép lái xe hạng A1, 01 thẻ ngân hàng V, 01 thẻ ngân hàng V1 mang tên Lê Thị Y. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả cho bà Lê Thị Y nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Đối với: 01 (một) áo sơ mi dài tay màu trắng; 01 (một) quần tây dài màu đen; 01 (một) nón bảo hiểm màu xanh đen là trang phục của Phạm Minh L mặc khi đi cướp giật tài sản, xét không có giá trị sử dụng nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu và tiêu hủy.

- Đối với: 01 (một) USB chứa đoạn video ghi nhận gần hiện trường sau khi đối tượng đã giật được tài sản tẩu thoát (lưu cùng hồ sơ vụ án) nên nên đề nghị Hội đồng xét xử lưu giữ hồ sơ vụ án.

* Về dân sự: buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Lê Thị Y số tiền 4.700.000 (bốn triệu bảy trăm nghìn) đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi như nội dung vụ án nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim N trình bày: việc bị cáo mượn xe của bà N đi công việc rồi sử dụng để đi cướp

giật thì bà N không biết, bà N đã nhận lại được chiếc xe mô tô hiệu Vision, biển số: 59L2-923.65 và không có yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét thấy lời khai tại phiên tòa của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng của vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 08 giờ ngày 20/10/2024, tại giao lộ Đ, khu dân cư C, Ấp A, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Phạm Minh L đã thực hiện hành vi điều khiển xe mô tô biển số 59L2-923.65 áp sát bên trái xe mô tô biển số 54H4-2249 do ông Nguyễn Hữu Đ điều khiển và giật 01 cái ví (bên trong có 1.700.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu ViVo trị giá 3.090.000 đồng và một số giấy tờ tùy thân) của bà Lê Thị Y.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác. Khi thực hiện hành vi cướp giật tài sản nêu trên của bị hại, bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình nhưng vì tham lam, vụ lợi, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để bán lấy tiền tiêu xài nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Xét về nhân thân: ngày 07/12/2021, bị cáo bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" theo Bản án 171/2021/HSST (bị kết án về tội rất nghiêm trọng), chấp hành xong án phạt tù ngày 13/04/2024. Tính đến lần phạm tội này, bị cáo chưa được xóa án tích lại tiếp tục cố ý thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng, nên thuộc trường hợp "Tái phạm nguy hiểm", là tình tiết định khung tăng nặng đối với bị cáo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Phạm Minh L phạm tội "Cướp giật tài sản" với tình tiết định khung tăng nặng "Dùng thủ đoạn nguy hiểm" và "Tái phạm nguy hiểm", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d, i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương, bên cạnh đó bị cáo có nhân thân xấu như lý lịch đã nêu nên Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt nghiêm, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù trong một khoảng thời gian nhất định để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng thu giữ:

- Đối với: 01 xe mô tô hiệu Vision, biển số: 59L2-923.65, số máy: JF86E55022268 số khung: RLHJF5833KZ452246. Qua xác minh, xe mô tô do bà Nguyễn Thị Kim N đứng tên chủ sở hữu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả xe cho bà N nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Đối với: 01 Căn cước công dân, 01 Giấy chúng nhận đăng ký xe mô tô, 01 Giấy phép lái xe hạng A1, 01 thẻ ngân hàng V, 01 thẻ ngân hàng V1 mang tên Lê Thị Y. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả cho bà Lê Thị Y nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Đối với: 01 (một) áo sơ mi dài tay màu trắng; 01 (một) quần tây dài màu đen; 01 (một) nón bảo hiểm màu xanh đen là trang phục của Phạm Minh L mặc khi đi cướp giật tài sản, xét không có giá trị sử dụng nên tịch thu và tiêu hủy.

- Đối với: 01 (một) USB chứa đoạn video ghi nhận gần hiện trường sau khi đối tượng đã giật được tài sản tẩu thoát (lưu cùng hồ sơ vụ án) nên lưu giữ hồ sơ vụ án.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Thị Y yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 4.700.000 đồng (bao gồm 3.000.000 đồng là giá trị điện thoại ViVo, 1.700.000 đồng tiền mặt trong ví). Đối với cái ví màu đen đã qua sử dụng không có giá trị nên bà Y không có yêu cầu. Tại phiên tòa bị cáo cũng đồng ý bồi thường cho bà Y số tiền trên là phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Lê Thị Y số tiền 4.700.000 đồng.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét chấp nhận quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị về tội danh, hình phạt đối với bị cáo cũng như đề nghị xử lý vật chứng vụ án và dân sự. Hội đồng xét xử cũng xét chấp nhận ý kiến của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Xử phạt bị cáo **Phạm Minh L** 05 (năm) năm tù về tội "Cướp giật tài sản", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/10/2024.

2. Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu và tiêu hủy: 01 (một) áo sơ mi dài tay màu trắng; 01 (một) quần tây dài màu đen; 01 (một) nón bảo hiểm màu xanh đen

(vật chứng trên Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh đang tạm giữ theo Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 31/12/2025 giữa Cơ quan CSĐT Công an Thành phố H và Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Về dân sự: Căn cứ vào các Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015:

- Buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Lê Thị Y số tiền 4.700.000 (bốn triệu bảy trăm nghìn) đồng.

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Lê Thị Y mà bị cáo chậm trả số tiền nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo, bà Nguyễn Thị Kim N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP. HCM (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM (1);
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - TPHCM (2);
- Cơ quan CSĐT Công an TP. HCM (1);
- Phòng thi hành án dân sự Khu vực 10 - TPHCM (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an TP. HCM (1);
- Trại tạm giam Chí Hòa – Phân trại tạm giam Bình Trị Đông (1);
- Bị cáo (1);
- Bị hại, đương sự (2);
- Lưu Hồ sơ (1);
- Lưu VT (1).



TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Thường Đông